0ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3783 /QĐ-UBND	*Đắk Lắk, ngày 23 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác khoáng sản mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường (đá chẻ) - vị trí 2 tại khu vực thôn Bàn Nham Nam phường Đông Hòa, tỉnh Đắk Lắk

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/05/2026 của Chính phủ quy định về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 và Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026;

Căn cứ Quyết định số 01459/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND tỉnh về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Chủ dự án tại Công văn số 02/CV-KT ngày 16/10/2026 của Công ty TNHH Khai thác Sản xuất VLXD Khoáng Thưởng và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1101/TTr-SNNMT ngày 05/11/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác khoáng sản mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông

thường (đá chẻ) - vị trí 2 tại khu vực thôn Bàn Nham Nam phường Đông Hòa, tỉnh Đắk Lắk (*sau đây gọi là Dự án*) của Công ty TNHH Khai thác Sản xuất VLXD Khoáng Thưởng (*sau đây gọi là Chủ dự án*) được thực hiện tại thôn Bàn Nham Nam phường Đông Hòa, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Trung tâm CN và Cổng TTĐT tỉnh;
- Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và MT tỉnh;
- UBND phường Đông Hòa;
- Công ty TNHH Khai thác SX VLXD Khoáng Thưởng; *(Đ/c: 171 Hùng Vương, phường Tuy Hòa, Đắk Lắk)*
- Lưu: VT, NNMT (Nhat-2b)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thiên Văn

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN MỎ ĐÁ LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG (ĐÁ CHẺ) – VỊ TRÍ 2 TẠI KHU VỰC THÔN BÀN NHAM NAM PHƯỜNG ĐỒNG HÒA, TỈNH ĐẮK LẮK

(Kèm theo Quyết định số 3783 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Khai thác khoáng sản mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường (đá chẻ) - vị trí 2 tại khu vực thôn Bàn Nham Nam phường Đông Hòa, tỉnh Đắk Lắk.

- Địa điểm thực hiện dự án: thôn Bàn Nham Nam phường Đông Hòa, tỉnh Đắk Lắk.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Khai thác Sản xuất VLXD Khoáng Thưởng

- Dự án Khai thác khoáng sản mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường (đá chẻ) - vị trí 2 tại khu vực thôn Bàn Nham Nam phường Đông Hòa, tỉnh Đắk Lắk đã được UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đá VLXDTT (đá chẻ) tại Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 5/10/2023 và công nhận kết quả thăm dò khoáng sản đá làm VLXD thông thường tại Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 21/4/2026.

1.2. Quy mô dự án

a) Diện tích đất sử dụng: khoảng 0,3196 ha; gồm 03 khu vực (Khu vực 14: 0,0323 ha, khu vực 15: 0,1963 ha và khu vực 16: 0,091 ha). Ranh giới khu vực khai thác được giới hạn bởi các điểm khép góc như sau:

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN2000 Kinh tuyến trục 108º 30', múi chiếu 3º**	
	X (m)	**Y (m)**
I	**Khu vực 14**	
1	1.432.463	590.667
2	1.432.458	590.684
3	1.432.434	590.670
4	1.432.437	590.664
II	**Khu vực 15**	
1	1.432.664	590.718
2	1.432.647	590.762

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 Kinh tuyến trục 108º 30', múi chiếu 3º	
	X (m)	Y (m)
3	1.432.610	590.770
4	1.432.609	590.727
III	**Khu vực 16**	
1	1.432.726	590.849
2	1.432.702	590.861
3	1.432.686	590.863
4	1.432.682	590.844
5	1.432.720	590.830

b) Quy mô đầu tư:

- Trữ lượng đá làm VLXD thông thường (đá chẻ) cấp 122 được phê duyệt: 9.854 m^3.

- Trữ lượng đất làm vật liệu san lấp cấp 122 được phê duyệt: 18.395 m^3. (Khoáng sản đi kèm).

- Mức sâu kết thúc khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản.

- Công suất khai thác đá VLXD thông thường (đá chẻ): 2.500 m^3 nguyên khai/năm.

- Thời gian hoạt động mỏ: 3 năm 10 tháng.

- Loại hình dự án: Khai thác khoáng sản.

1.3. Công nghệ khai thác

Công nghệ khai thác dự án là khai thác mỏ lộ thiên, cụ thể như sau:

- Khai thác đá: Thiết bị khai thác đá → Bốc xúc đất tầng phủ →khai thác, tập kết đá tại moong khai thác → Gia công bằng thiết bị, kết hợp gầu xúc → Đá chẻ →Vận chuyển đến công trình.

- Khai thác đất: Thiết bị khai thác đất → Xúc bốc trực tiếp → Vận chuyển đất → Công trình.

1.4. Phạm vi hoạt động

a) Hạng mục công trình chính: Tạo moong khai thác với diện tích 0,3196 ha.

b) Hạng mục công trình phụ trợ và bảo vệ môi trường: Nhà bảo vệ, lắp đặt hệ thống giám sát; sửa chữa tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ, thi công hệ thống thu gom và thoát nước mưa; lắp đặt biển báo giao thông,..

c) Hoạt động của Dự án:

- Dọn dẹp tạo mặt bằng và thi công các hạng mục công trình: Nhà bảo vệ,

hệ thống giám sát; gia cố tuyến đường nội mỏ; lắp đặt biển báo giao thông, xây dựng rãnh thoát nước mưa…

- Khai thác đá VLXD thông thường (đá chẻ), đất san lấp.

- Cải tạo phục hồi môi trường: san gạt moong khai thác, trồng cây, tháo dỡ các hạng mục công trình tạm và di dời thiết bị, trả lại mặt bằng, ...

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 và khoản 4, Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 5 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường.

- *Giai đoạn xây dựng:* Thi công đường tạm vận chuyển nội bộ trong mỏ; lắp đặt nhà bảo vệ, hệ thống giám sát và biển báo giao thông….phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt và chất thải rắn ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- *Giai đoạn khai thác:*

+ Hoạt động khai thác đất, đá tại khai trường: Quá trình khai thác chủ yếu sử dụng máy xúc thủy lực gầu ngược để xúc bốc khoáng sản, kết hợp máy khoan cầm tay để khoan tách đối với các khối đá có kích thước lớn; sản phẩm sau khai thác được vận chuyển bằng ô tô đến nơi tiêu thụ hoặc nơi có nhu cầu sử dụng;... làm phát sinh một lượng lớn bụi, khí CO_2 và tiếng ồn, độ rung gây ảnh hưởng đến môi trường không khí khu vực dự án, công nhân làm việc tại dự án.

+ Hoạt động xúc bốc, phương tiện vận chuyển như máy xúc, ô tô sẽ làm phát sinh bụi, các chất nguy hại trong khí thải và tiếng ồn từ quá trình đốt cháy nhiên liệu ảnh hưởng xấu đến môi trường không khí.

+ Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm phát sinh các loại chất thải rắn và nước thải sinh hoạt. Các loại chất thải này nếu không được quản lý, thu gom sẽ làm mất mỹ quan và gây ô nhiễm môi trường khu vực, là tác nhân làm phát sinh và lây lan dịch bệnh.

+ Hoạt động bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa các hư hỏng đột xuất của các máy móc, thiết bị sẽ tiềm ẩn khả năng phát sinh các loại CTNH nếu không quản lý tốt các loại chất thải phát sinh. Tác động của các loại chất thải này đến môi trường đất, nước là đặc biệt nghiêm trọng do tính chất nguy hại của chúng.

- *Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường:* Tháo dỡ nhà bảo vệ, hệ thống giám sát; san gạt đáy moong khai thác và đường nội bộ mỏ; san gạt tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ,… phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn, khí thải, bụi…ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

a) Nguồn phát sinh, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng khoảng 0,25 m^3/ngày.đêm. Thành phần nước thải sinh hoạt chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các hợp chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật.

- Nước thải xây dựng: Trong quá trình thi công xây dựng, một lượng nước rửa nguyên, vật liệu được phát sinh, ước tính khoảng 0,5m^3/ngày. Thành phần chất thải: TSS, COD, Zn, Pb….

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án trong giai đoạn thi công xây dựng với thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (SS), đất, cát,…..**.**

b) Nguồn phát sinh, tính chất của bụi, khí thải: Bụi, khí thải từ các hoạt động như thi công tuyến đường vận chuyển nội mỏ, lắp đặt nhà bảo vệ, nhà nghỉ công nhân (nhà tạm),... Thành phần chủ yếu bụi tổng, CO, NO_x, SO_2. Quy mô và tính chất bụi và khí thải phát sinh có tính cục bộ, thời gian xảy ra ngắn, bụi sẽ ảnh hưởng đến người dân xung quanh dọc tuyến đường, khu vực dự án.

3.1.2. Chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt: khối lượng phát sinh trong giai đoạn xây dựng khoảng 2,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu bao bì, thức ăn thừa, vỏ trái cây….

- Chất thải rắn xây dựng: Trong giai đoạn thi công xây dựng phát sinh chất thải rắn xây dựng với khối lượng không đáng kể.

- Chất thải nguy hại: khối lượng phát sinh trong giai đoạn xây dựng khoảng 2kg/toàn dự án. Thành phần chủ yếu giẻ lau, bao tay nhiễm dầu nhớt,…

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn thi công, xây dựng

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động phương tiện thi công, vận chuyển ra vào khu vực dự án.

3.2. Giai đoạn khai thác và cải tạo, phục hồi môi trường

3.2.1. Nước thải, khí thải

a) Nguồn phát sinh, tính chất của nước thải: Nước thải của dự án chủ yếu nước thải sinh hoạt. Lưu lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn khai thác khoảng 0,55 m^3/ngày.đêm và trong giai đoạn phục hồi môi trường khoảng 0,25 m^3/ngày.đêm. Thành phần nước thải sinh hoạt chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các hợp chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật.

b) Nguồn phát sinh, tính chất của bụi, khí thải: Bụi, khí thải từ hoạt động lắp đặt nhà bảo vệ, hệ thống giám sát; san gạt, sửa chữa tuyến đường vận chuyển; hoạt động bốc xúc, vận chuyển đá làm VLXD, đất san lấp đến công trình (bụi đất rơi vãi trên tuyến đường từ phương tiện vận chuyển, lưu thông); hoạt động san gạt đáy moong khai thác, hoạt động gia công đá làm VLXD…

Thành phần chủ yếu là Bụi, CO, NO_x, SO_2, ... Quy mô và tính chất bụi và khí thải phát sinh có tính cục bộ, thời gian xảy ra ngắn, bụi hạt lớn sẽ lắng đọng phát tán trong phạm vi khai thác, bụi sẽ ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

3.2.2. Chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt: khối lượng phát sinh trong giai đoạn khai thác khoảng 5,5 kg/ngày và cải tạo phục hồi môi trường khoảng 2,5kg/ngày. Thành phần chủ yếu bao bì, thức ăn thừa, vỏ trái cây.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn khai thác: Trong quá trình khai thác không phát sinh chất thải, chủ yếu đất, đá rơi, vãi do quá trình vận chuyển dọc tuyến đường từ khu vực khai thác đến nơi tiêu thụ.

+ Chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn đóng cửa mỏ: chủ yếu tháo dỡ các hạng mục công trình nhà bảo vệ, hệ thống giám sát và tuyến đường vận chuyển ngoại mỏ,...

- Chất thải rắn nguy hại: khối lượng phát sinh tại dự án trong giai đoạn khai thác khoảng 2 kg/tháng, thành phần chủ yếu giẻ lau, bao tay nhiễm dầu nhớt,… Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường chủ yếu các hoạt động san gạt, tháo dỡ các hạng mục công trình và di dời các thiết bị, do đó không phát sinh chất thải nguy hại.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn hoạt động khai thác và cải tạo phục hồi môi trường:

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động khai thác, xe vận chuyển ra vào dự án, các thiết bị phục vụ cho hoạt động khai thác và cải tạo phục hồi môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.2.4. Các tác động khác:

- Tác động đến hệ thống giao thông: Khi dự án hoạt động khai thác gia tăng mật độ phương tiện giao thông, làm hư hỏng tuyến đường giao thông, gia tăng nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông, phát sinh bụi gây ảnh hưởng đến việc lưu thông của người dân trên đường, nhà cửa, hoa màu của người dân dọc tuyến đường.

- Các sự cố sạt lở và sự cố trong quá trình lắp ráp, tháo dỡ thiết bị khai thác trong quá trình hoạt động gây ảnh hưởng tới an toàn lao động; sự cố sạt lở, sụt trượt bờ moong khai thác; sự cố đá rơi, đá lăn, sự cố trong khoan tách cơ học gây mất an toàn lao động.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Biện pháp thu gom nước thải sinh hoạt: bố trí nhà vệ sinh di động để thu gom, hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý theo đúng quy định hoặc sử dụng nhà vệ sinh tại nhà dân gần khu vực dự án để công nhân lưu trú, đảm bảo không thải chất thải ra môi trường.

- Biện pháp thu gom nước thải xây dựng: Hạn chế, tiết kiệm lượng nước trong quá trình vệ sinh dụng cụ, thiết bị và trộn bêtông; khai thông các rãnh nước thải để lắng tạm thời, thoát ra môi trường....

- Biện pháp giảm thiểu nước mưa chảy tràn: Trong giai đoạn xây dựng cơ bản, chỉ mới có việc bóc tầng phủ mỏ, vẫn sẽ giữ nguyên hướng dốc địa hình để thoát nước mưa theo địa hình tự nhiên.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng, khai thác và cải tạo phục hồi môi trường như sau:

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại khu vực khai thác mỏ để giảm thiểu ảnh hưởng của bụi và khí thải tới sức khỏe;

- Tất cả các phương tiện tham gia vận chuyển phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về kiểm soát giới hạn phát thải cho phép đối với khí thải;

- Xe vận chuyển phải được phủ bạt kín ở thùng xe nhằm hạn chế bụi rơi vãi trên đường vận chuyển; phải tuân thủ chở đúng khối lượng, tốc độ, tải trọng của xe trong quá trình vận chuyển theo quy định. Trường hợp xảy ra sự cố rơi vãi, chủ dự án bố trí công nhân vệ sinh đất, đá rơi vãi trên đường vận chuyển, không để ảnh hưởng đến an toàn của người dân khi tham gia giao thông, mỹ quan khu vực.

- Lắp đặt các biển báo giới hạn tốc độ và biển báo tuyến đường vận chuyển để chính quyền địa phương, người dân biết phòng tránh và theo dõi.

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển đá làm VLXD, đất san lấp đi tiêu thụ (đoạn qua khu dân cư) vào mùa nắng với tần suất 2 - 3 lần/ngày, tần suất này có thể tăng khi trời nắng gắt.

- Thường xuyên phối hợp với địa phương duy tu, sửa chữa tuyến đường vận chuyển để người dân đi lại được thuận lợi.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Quản lý, giám sát, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của Dự án; bảo đảm đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Biện pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt: chất thải rắn sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng, khai thác và đóng cửa mỏ được thu gom sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn thông thường: Đối với thực bì chủ dự án sẽ thu gom và cho người dân tận thu, phần cành nhánh nhỏ và lá được thu gom chôn lấp cùng đất tầng phủ để phục vụ công tác cải tạo phục hồi môi trường.

- Chất thải nguy hại được thu gom và lưu chứa trong thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng; hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Toàn bộ các loại chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 và các quy định khác liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Chỉ sử dụng các loại phương tiện thi công đạt kiểm định về an toàn kỹ thuật và môi trường theo quy định.

- Bố trí thời gian vận chuyển phù hợp, hạn chế vận chuyển, lưu thông qua khu vực dân cư vào các giờ cao điểm. Tuân thủ các quy định về an toàn giao thông, quy định về tốc độ di chuyển khi qua khu vực dân cư đông đúc.

- Không sử dụng cùng một lúc trên công trường nhiều máy móc, thiết bị có gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn; hạn chế kéo còi dài khi qua khu dân cư,…

- Thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện, máy móc, thiết bị hoạt động, bảo đảm luôn trong tình trạng hoạt động tốt, đạt tiêu chuẩn về độ ồn, rung theo quy định.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

a) Biện pháp phòng ngừa sự cố sạt lở, mất ổn định bờ moong khai thác.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn trong khai thác và các thông số thiết kế khai thác; chiều sâu khai thác không vượt quá cao độ thiết kế.

- Không thực hiện đào khoét chân bờ moong hoặc lấy đất, đá ngoài phạm vi và cao độ khai thác được thiết kế; không tập kết đất đá, vật liệu hoặc bố trí máy móc, phương tiện sát mép bờ moong làm gia tăng tải trọng lên sườn tầng.

- Lắp đặt biển cảnh báo, rào chắn an toàn và cấm phương tiện cơ giới hoạt động tại vùng có dấu hiệu sụt lún hoặc rạn nứt.

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa phải được xây dựng và duy trì theo tiến độ khai thác; hạn chế nước mưa tập trung và chảy trực tiếp xuống bờ moong. Các tuyến mương phải được kiểm tra, nạo vét và khơi thông thường xuyên, đặc biệt trước mùa mưa. Sau các đợt mưa lớn, bão hoặc thời tiết bất thường, phải kiểm tra toàn bộ bờ moong, sườn tầng, mương thoát nước và các vị trí có nguy cơ sạt trượt trước khi tổ chức khai thác trở lại.

b) Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động đến hệ thống giao thông khu vực

- Quy định tốc độ phù hợp đối với xe vận chuyển trong khu vực mỏ, đặc biệt tại khu vực cổng ra vào, các vị trí giao cắt và đoạn đường có tầm nhìn hạn chế.

- Lắp đặt đầy đủ hệ thống biển báo hiệu đường bộ theo quy định.

- Cử nhân viên điều tiết giao thông trực chốt hướng dẫn cho xe tải nhập làn an toàn trong các khung giờ cao điểm vận chuyển.

- Quán triệt tài xế chấp hành các quy định về an toàn giao thông (về tốc độ, làn đường, che chắn vật liệu khi vận chuyển…).

- Đảm bảo an toàn công trình giao thông, đặc biệt các tuyến đường nông thôn và tuyến nối Quốc lộ 1.

- Khi có sự cố an toàn giao thông xảy ra, báo ngay cho đơn vị chức năng phối hợp xử lý.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác:

- Tổ chức khai thác theo đúng thiết kế khai thác được phê duyệt, bảo đảm chiều cao tầng, góc nghiêng sườn tầng và trình tự khai thác phù hợp với điều kiện địa chất, địa hình của khu vực mỏ.

- Tháo dỡ, di dời các hạng mục công trình, thiết bị (nhà làm việc, máy móc thiết bị...) thu gom và xử lý các loại chất thải theo đúng quy định; san gạt, sửa chữa tuyến đường đáp ứng yêu cầu và hoàn thành các thủ tục đóng cửa mỏ theo quy định, sau đó bàn giao lại cho địa phương để tiếp tục quản lý và sử dụng.

5. Phương án cải tạo phục hồi môi trường

5.1. Giải pháp cải tạo phục hồi môi trường:

Các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường như sau:

- San gạt, cải tạo sườn tầng: San gạt, gia cố sườn tầng với diện tích 1.278,4 m², khối lượng cần san gạt 383,5 m^{3+}

=- San gạt moong khai thác: san gạt, tạo mặt bằng moong khai thác để trồng cây với diện tích 1.917,6 m², khối lượng san gạt 958,8 m^3

- Đào, bốc xúc đất tầng phủ để cải tạo phục hồi môi trường với khối lượng 1.342,3 m^3

- Vận chuyển đất để cải tạo phục hồi môi trường với khối lượng 1.342,3 m^3

- San lấp, hoàn trả hệ thống thoát nước mưa và hố lắng với khối lượng khoảng 96 m^3

- Đào, bốc xúc, san gạt tuyến đường công vụ ngoại mỏ với khối lượng khoảng 750m^3

- Tháo dỡ các công trình tạm: Nhà bảo vệ, hệ thống giám sát....

- Vận chuyển chất thải từ hoạt động tháo dỡ công trình tạm với khối lượng 42,27 m^3

- Lắp đặt các biển báo hiệu nguy hiểm tại khu vực dự án: 04 cái.

- Trồng cây xanh với diện tích 0,191760ha; thực hiện chăm sóc, trồng dặm bảo đảm cây sinh trưởng phát triển.

- Đo vẽ địa hình khu vực dự án: Tiến hành đo vẽ bản đồ địa hình khu vực khai thác để theo dõi sự thay đổi cao trình đáy moong, chiều cao tầng, góc dốc sườn tầng và hiện trạng bờ moong sau khai thác.

5.2. Dự toán kinh phí cải tạo phục hồi môi trường

- Tổng số tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường là: 177.700.000đồng. *Viết bằng chữ: Một trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng*

- Số lần ký quỹ: 03 lần

+ Lần đầu (lần 01), số tiền ký quỹ lần đầu: 44.425.000 đồng. *Viết bằng chữ: Bốn mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*

+ Số tiền ký quỹ các lần còn lại (mỗi năm): 66.637.500 đồng. *Viết bằng chữ: Sáu mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng.*

+ Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá, Chủ đầu tư phải tính thêm yếu tố trượt giá cho các lần ký quỹ theo đúng quy định.

- Thời điểm ký quỹ: Thực hiện ký quỹ lần đầu trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ; việc ký quỹ các năm còn lại (lần thứ 2 trở đi) phải thực hiện trước ngày 31/01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận tiền ký quỹ: Quỹ bảo vệ, phát triển rừng và môi trường tỉnh Đắk Lắk.

6. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:

6.1. Giám sát môi trường giai đoạn xây dựng

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu chứa.

- Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý chất thải.

- Thông số giám sát: thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý.

6.2. Giám sát môi trường giai đoạn khai thác

a. ***Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn và chất thải nguy hại***

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu chứa.

- Thông số giám sát: thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý.

b. Giám sát sạt lở.

- Tần suất giám sát: thường xuyên.

- Vị trí giám sát: các điểm có nguy cơ cao

- Nội dung giám sát: Thường xuyên kiểm tra các thông số của hệ thống khai thác, đảm bảo theo đúng hồ sơ thiết kế khai thác được duyệt, không để xảy ra tình trạng sạt lở đất ra môi trường, nước mưa chảy tràn tác động đến KDC, hoa màu của người dân liền kề vị trí khai thác mỏ của dự án …

6.3. Giai đoạn đóng cửa mỏ

- Giám sát sự phát triển và chăm sóc cây: giám sát việc trồng và chăm sóc cây xanh theo phương án cải tạo phục hồi môi trường đã được phê duyệt và các quy định liên quan. Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Giám sát trượt lở moong, sạt lở đất: Thường xuyên kiểm tra các thông số của hệ thống khai thác, đảm bảo theo đúng hồ sơ thiết kế khai thác được duyệt. Trong mùa mưa, thường xuyên kiểm tra việc thoát nước mưa, tránh hiện tượng ngập úng, tạo dòng chảy lớn làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp của người dân. Tần suất giám sát: thường xuyên.

7. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện có liên quan đến môi trường với các nội dung sau:

7.1. Dự án chỉ được phép triển khai các nội dung, hạng mục công trình sau khi hoàn tất các thủ tục đất đai, môi trường, khoáng sản và các quy định khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

7.2. Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, triển khai, xây dựng cơ bản, khai thác mỏ; tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật hiện hành.

7.3. Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, độ sâu, công suất, trữ lượng, thời gian ghi trong Giấy phép khai thác khoáng sản.

7.4. Kiểm soát nghiêm ngặt nguồn nước thải, không gây ảnh hưởng tiêu cực tới nguồn nước trong khu vực; thường xuyên theo dõi việc thoát nước mưa tại khu vực mỏ nhằm đảm bảo an toàn tránh sạt lở đất trong mùa mưa; nước thải sinh hoạt phải được thu gom, xử lý theo quy định.

7.5. Trong suốt quá trình hoạt động phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung và các loại khí thải, bụi đạt các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường: QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

7.6. Tuân thủ nghiêm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn trong quá trình khai thác đất, đá; tăng cường việc theo dõi, giám sát thường xuyên các khu vực khai trường, bãi chứa đất tầng phủ tạm; thực hiện các biện pháp tưới nước, phun sương để giảm thiểu bụi tại khu khai thác; tiến hành gia cố taluy bảo

đảm không để xảy ra sạt lở; thực hiện nghiêm túc công tác cảnh báo nguy hiểm trong quá trình khai thác và sau khi kết thúc khai thác.

7.7. Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại và sinh hoạt phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định.

7.8. Thường xuyên theo dõi, giám sát các khu vực khai trường mỏ, thực hiện các biện pháp kỹ thuật và công trình để kiểm soát các nguồn thải nhằm bảo đảm không để xảy ra ô nhiễm môi trường, số liệu quan trắc phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý Nhà nước kiểm tra; khi phát hiện có dấu hiệu, khả năng xảy ra sự cố, phải dừng ngay các hoạt động khai thác và khẩn trương xử lý, khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

7.9. Lập và thực hiện kế hoạch, bổ sung phương án cụ thể, chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố thiên tai, sự cố môi trường hàng năm (sạt lở khu vực khai thác, khu vực xung quanh dự án, đường vận chuyển) nhằm bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, các công trình khai thác, môi trường xung quanh.

7.10. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương; tổ chức khai thác khoáng sản theo đúng quy định của pháp luật và thực hiện nghiêm công tác bảo vệ môi trường, an toàn trong khai thác; lập và thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường trong quá trình khai thác.

7.11. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường; tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, khoáng sản, giao thông, phòng chống lụt bão, rủi ro, sự cố; thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.

7.12. Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường theo nội dung đã được phê duyệt.

7.13. Đối với khoảng cách an toàn từ khu vực khai thác đến các đối tượng xung quanh đề nghị Chủ dự án thực hiện đúng theo hồ sơ thiết kế khai thác được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đảm bảo trong quá trình hoạt động, không gây ảnh hưởng đến môi trường.

7.14. Chủ dự án có trách nhiệm phối hợp với địa phương sửa chữa, nâng cấp tuyến đường vận chuyển.

7.15. Chủ dự án có trách nhiệm điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

7.16. Tháo dỡ tất cả các công trình tạm, vận chuyển các thiết bị máy móc ngay sau khi kết thúc thi công; thực hiện kịp thời công tác phục hồi cảnh quan môi trường địa bàn thi công, các khu vực đất tạm chiếm dụng theo quy định, bảo

đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

7.17. Chịu trách nhiệm về độ chính xác của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường./.